

PHỤ LỤC I

DANH MỤC TÀI SẢN ĐANG QUẢN LÝ, SỬ DỤNG

(Ban hành kèm theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông huyện Cao Lộc)

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu tài sản cố định	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Diện tích, Số lượng	Nguyên giá tài sản cố định
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
I	**Nhà và công trình trên đất**				**15.154.050.265**
1	Nhà văn hóa	1990	m²	490,0	2.700.525.265
2	Nhà thi đấu thể thao	12/2015	m²	320,0	2.657.475.000
3	Trạm phát sóng lại Thị trấn Đồng Đăng	12/2014	m²	350,0	6.088.559.000
4	Trạm phát thanh Cao Lâu	1997	m²	818,3	421.491.000
5	Sân bê tông (thuộc nhà văn hóa)	1990	m²	3.966,0	3.286.000.000
II	**Quyền sử dụng đất**				**13.005.762.000**
1	GCNQSDĐ số BD113006 ngày 29/12/2010 của UBND tỉnh Lạng Sơn	2010	m²	6.386,6	12.737.200.000
2	Đất trạm phát lại thị trấn Đồng Đăng	2014	m²	350,0	154.000.000
3	Đất trạm phát thanh Cao Lâu	1997	m²	818,3	114.562.000
III	**Phương tiện giao thông**				**699.360.000**
1	Ô tô FORD RANGER	12/2012	xe	1	699.360.000
	Loại tài sản cố định: Phần mềm				**18.500.000**
1	Bản quyền phần mềm Adobe Premiere	8/2017	phần mềm	1	11.000.000
2	Phần mềm quản lý lương	8/2018	phần mềm	1	7.500.000
IV	**Máy móc, thiết bị**				
*	**Máy móc, thiết bị văn phòng**				**325.680.000**
1	Máy tính xách tay Dell	12/2017	Chiếc	1	13.000.000
2	Máy tính xách 18	8/2018	Chiếc	1	14.500.000
3	Laptop LENOVO G460	12/2011	Chiếc	1	14.000.000
4	Laptop ASUS GL552JX	4/2016	Chiếc	1	23.850.000
5	Máy vi tính	12/2004	Chiếc	1	16.039.000
6	Máy vi tính	12/2006	Chiếc	1	14.781.000
7	Máy vi tính	12/2007	Chiếc	1	11.100.000
8	Máy vi tính	12/2014	Chiếc	1	12.700.000
9	Máy vi tính	6/2015	Chiếc	1	14.920.000

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu tài sản cố định	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Diện tích, Số lượng	Nguyên giá tài sản cố định
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
10	Máy tính	12/2014	Chiếc	1	9.740.000
11	Máy tính 2012 (Hùng)	12/2012	Chiếc	1	9.750.000
12	Máy tính ĐNA	12/2010	Chiếc	1	10.050.000
13	Máy tính ELEAD	12/2009	Chiếc	1	10.000.000
14	Bộ máy tính để bàn Intel	12/2017	bộ	1	12.800.000
15	Máy vi tính FPT	12/2014	Chiếc	1	15.750.000
16	Máy tính để bàn	10/2018	Chiếc	1	14.200.000
17	Máy Photocopy	7/2015	Chiếc	1	68.000.000
18	Máy Photocopy Đài	12/2010	Chiếc	1	40.500.000
*	**Máy móc, thiết bị dùng chung**				**3.090.038.904**
1	Ghế hội trường dán chữ đánh số aluminium	12/2015	Chiếc	10	22.838.320
2	Bàn hội trường	12/2015	Chiếc	10	74.825.108
3	Bàn đại biểu	12/2015	Chiếc	2	37.586.566
4	Bàn thư ký	12/2015	Chiếc	2	20.881.426
5	Ghế đại biểu gỗ gụ bọc nỉ	12/2015	Chiếc	9	48.365.064
6	Ghế gỗ	11/2020	Chiếc	12	78.000.000
7	Ghế hội trường	11/2020	Chiếc	286	762.501.454
8	Camera an ninh	12/2017	Chiếc	1	14.400.000
9	Máy điều hòa nhiệt độ	12/2014	Chiếc	1	18.500.000
10	Điều hòa LG H12ENA	5/2016	Chiếc	1	9.900.000
11	Bộ điều hòa tủ đứng Funiki 50000BTU 2 chiều FH50	12/2015	Chiếc	1	49.346.150
12	Điều hòa nhiệt độ	10/2017	Chiếc	1	8.750.000
13	Điều hòa	8/2018	Chiếc	1	8.470.000
14	Điều hòa Daikin 1 chiều 9000 PTU	1/2021	Chiếc	1	6.500.000
15	Điều hòa Caper 2 chiều 9000 BTU	1/2020	Chiếc	1	9.600.000
16	Màn hình Led	7/2018	Chiếc	1	897.600.000
17	Thiết bị phụ trợ màn hình Led	9/2018	Chiếc	1	636.900.000
18	Cụm tượng Bác + Bục phát biểu	12/2015	Bộ	1	23.785.889
19	Khung biển Aluminium	12/2015	Chiếc	1	19.192.486
20	Rèm sân khấu	12/2015	Bộ	1	192.319.214
21	Rèm cửa	12/2015	Bộ	1	73.832.227
22	Phông sân khấu	12/2011	Bộ	1	6.520.000
23	Ti vi Sam sung Smart TV 40in	12/2017	Chiếc	1	11.660.000
24	Tivi VTB Smart TV 32in	12/2017	Chiếc	1	5.780.000

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu tài sản cố định	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Diện tích, Số lượng	Nguyên giá tài sản cố định
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
25	Ti vi 32 in	8/2018	Chiếc	1	6.985.000
26	Ti vi hội trường	12/2018	Chiếc	2	45.000.000
*	**Máy móc, thiết bị chuyên dùng**				**2.230.588.285**
1	Đầu ghi iHVR-M15AP	12/2013	Chiếc	1	78.000.000
2	Bộ máy tính dựng hình, biên tập âm thanh phi tuyến	8/2017	Bộ	1	27.500.000
3	Bộ máy tính biên tập âm thanh	10/2017	Bộ	1	40.500.000
4	Máy cắt Decan MH721	2/2015	Chiếc	1	8.500.000
5	Máy phát 150W	12/1998	Chiếc	1	32.000.000
6	Máy phát 150W	12/1998	Chiếc	1	32.000.000
7	Máy phát 300W	12/2001	Chiếc	1	325.000.000
8	Máy quay camera AG62	12/2005	Chiếc	1	70.500.000
9	Máy quay camera HD1000	12/2011	Chiếc	1	76.500.000
10	Máy quay camera HVR 1000	12/2008	Chiếc	1	63.500.000
11	Thiết bị truyền hình 2006	12/2006	Bộ	1	98.810.000
12	Thiết bị truyền thanh 2006	12/2006	Bộ	1	97.098.000
13	Bộ loa TOA TZ-205, âm ly TOA A1360-MK2	12/2015	Bộ	1	104.023.285
14	Bàn trộn âm thanh Mixer Dynacord CMS1600	5/2018	Chiếc	1	19.500.000
15	Bộ xử lý tín hiệu DBX Drive Rack 260 + Equplizer DBX 2231 băng thông 20Hz	5/2018	Bộ	1	13.700.000
16	Cục đẩy công suất bốn đường PDCJ AC4650	5/2018	Chiếc	1	43.600.000
17	Bàn đẩy SOUNDCERETEMPM (Anh)	12/2010	Chiếc	1	23.000.000
18	Máy ảnh CanonEOS80D	7/2017	Chiếc	1	36.500.000
19	Công suất CROUNUACRO 3600W (Mỹ)	12/2010	Chiếc	2	62.000.000
20	Loa thùng 4726A	12/2002	Chiếc	2	24.500.000
21	Bộ sub MRX 528S	12/2016	Bộ	1	53.600.000
22	Bộ loa MRX 500	12/2016	Bộ	1	44.800.000
23	Loa VLLIODOR (Pháp) + dây chống nhiễm	12/2010	Chiếc	4	60.000.000
24	Loa ONLAI (ITALIA)	12/2010	Chiếc	2	20.000.000
25	May ảnh kỹ thuật số 2006	12/2006	Chiếc	1	31.205.000

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu tài sản cố định	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Diện tích, Số lượng	Nguyên giá tài sản cố định
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
26	May ảnh kỹ thuật số 2014	12/2014	Chiếc	1	20.000.000
27	Mícro không dây	12/2011	Chiếc	2	18.700.000
28	Chân máy quay camera chuyên dụng 4K	11/2020	Chiếc	2	19.880.000
29	Cây máy tính case	11/2022	Chiếc	1	8.200.000
30	Bộ điều khiển bay	11/2020	Bộ	1	19.560.000
31	Máy Flaycam	11/2020	Chiếc	1	52.450.000
32	Máy ảnh kỹ thuật số	11/2020	Chiếc	1	33.480.000
33	Máy cắt chữ zitcat	7/2020	Chiếc	1	8.500.000
34	Bộ máy tính biên tập âm thanh	11/2020	Bộ	1	44.730.000
35	Máy quay camera chuyên dụng 4K	11/2020	Chiếc	2	289.770.000
36	Pin Máy quay camera chuyên dụng 4K	11/2020	Chiếc	2	15.280.000
37	Sạc Máy quay camera chuyên dụng 4K	11/2020	Chiếc	2	15.500.000
38	Bộ phát sóng không dây	11/2020	Bộ	1	11.650.000
39	Bàn bóng bàn Song Ngư	12/2014	Chiếc	1	14.000.000
40	Xà đơn Vifa 711214	11/2020	Bộ	2	19.828.000
41	Máy xoay eo vifa 711333	11/2020	Chiếc	2	39.866.000
42	Máy đi bộ lắc tay ngoài trời	11/2020	Chiếc	2	37.898.000
43	Xe đạp tập ngoài trời vifa 721521	11/2020	Chiếc	2	14.000.000
44	Máy tập vai đôi vifa 731143	11/2020	Chiếc	2	25.210.000
45	Bàn bóng bàn Trung Quốc	12/2008	Chiếc	1	9.600.000
46	Máy tập bóng bàn DK+E+G	12/2009	Chiếc	1	21.000.000
47	Ống kính máy ảnh	8/2017	Chiếc	1	5.150.000
	TỔNG CỘNG				**34.523.979.454**

(Đơn vị tính: đồng)

Giá trị còn lại của tài sản cố định
7
12.720.476.597
2.214.430.717
2.391.727.500
4.992.618.380
0
3.121.700.000
13.005.762.000
12.737.200.000
154.000.000
114.562.000
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0

Giá trị còn lại của tài sản cố định
7
0
0
0
0
0
0
0
0
0
1.721.887.660
11.419.160
0
0
0
0
39.000.000
381.250.726
11.700.000
0
6.187.500
0
5.468.750
6.352.500
4.062.500
4.800.000
673.200.000
429.907.500
0
11.995.303
96.159.606
36.916.115
0
0
3.468.000

Giá trị còn lại của tài sản cố định
7
0
0
285.233.817
0
17.187.500
25.312.500
5.100.000
0
0
0
0
0
0
0
0
20.804.657
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0
0

Giá trị còn lại của tài sản cố định
7
0
0
3.976.000
4.920.000
3.912.000
10.490.000
6.696.000
1.700.000
8.946.000
57.954.000
3.056.000
3.100.000
2.330.000
0
14.537.888
34.405.538
27.786.812
11.316.200
18.483.972
0
0
3.218.750
27.733.360.074

PHỤ LỤC II

DANH MỤC TÀI SẢN SỬ DỤNG VÀO MỤC ĐÍCH CHO THUÊ

(Ban hành kèm theo Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích cho thuê tại Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Truyền thông huyện Cao Lộc)

(Đơn vị tính: đồng)

STT	Tên, đặc điểm, ký hiệu tài sản cố định	Tháng, năm đưa vào sử dụng	Đơn vị tính	Diện tích, Số lượng	Nguyên giá tài sản cố định	Giá trị còn lại của tài sản cố định
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*
I	**Nhà và công trình trên đất**				**9.065.491.265**	**7.727.858.217**
1	Nhà văn hóa	1990	m²	490,0	2.700.525.265	2.214.430.717
2	Nhà thi đấu thể thao	12/2015	m²	320,0	2.657.475.000	2.391.727.500
4	Trạm phát thanh Cao Lâu	1997	m²	818,3	421.491.000	0
5	Sân bê tông (thuộc nhà văn hóa)	1990	m²	3.966,0	3.286.000.000	3.121.700.000
II	**Phương tiện giao thông**				**699.360.000**	
1	Ô tô FORD RANGER	12/2012	xe	1	699.360.000	
III	**Máy móc, thiết bị**				**2.067.490.203**	**1.142.107.500**
1	Bàn hội trường	12/2015	Chiếc	10	74.825.108	0
2	Bàn đại biểu	12/2015	Chiếc	2	37.586.566	0
3	Bàn thư ký	12/2015	Chiếc	2	20.881.426	0
4	Ghế đại biểu gỗ gụ bọc nỉ	12/2015	Chiếc	9	48.365.064	0
5	Ghế gỗ	11/2020	Chiếc	12	78.000.000	39.000.000
6	Bộ điều hòa tủ đứng Funiki 50000BTU 2 chiều FH50	12/2015	Chiếc	1	49.346.150	0
7	Màn hình Led	7/2018	Chiếc	1	897.600.000	673.200.000
8	Thiết bị phụ trợ màn hình Led	9/2018	Chiếc	1	636.900.000	429.907.500
9	Cụm tượng Bác + Bục phát biểu	12/2015	Bộ	1	23.785.889	0
10	Bàn trộn âm thanh Mixer Dynacord CMS1600	5/2018	Chiếc	1	19.500.000	0
11	Cục đẩy công suất bốn đường PDCJ AC4650	5/2018	Chiếc	1	43.600.000	0
12	Bộ sub MRX 528S	12/2016	Bộ	1	53.600.000	0
13	Bộ loa MRX 500	12/2016	Bộ	1	44.800.000	0
14	Loa ONLAI (ITALIA)	12/2010	Chiếc	2	20.000.000	0
15	Mícro không dây	12/2011	Chiếc	2	18.700.000	0
	TỔNG CỘNG				**11.832.341.468**	**8.869.965.717**